

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

---

Hà Nội, tháng 8 năm 2011

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 26
PHỤ LỤC BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	27 - 34

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Dương Văn Cơ	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 26. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Hạn chế phạm vi soát xét

Phạm vi công tác soát xét của chúng tôi không bao gồm báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 của:

- (1) Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG - công ty con của Công ty - với lợi nhuận sau thuế và tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 lần lượt là 1.244.730.478 đồng và 24.824.438.958 đồng;
- (2) Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG - liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex - với lỗ sau thuế và tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 lần lượt là 639.898.011 đồng và 9.005.680.636 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế phạm vi công tác soát xét nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 15 tháng 8 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

---

**Nguyễn Minh Hiền**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>559.161.050.110</b>	<b>653.234.270.357</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>33.885.246.479</b>	<b>166.008.027.644</b>
1. Tiền	111		33.885.246.479	116.008.027.644
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>13.255.835.600</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.066.876.098	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.811.040.498)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>337.535.644.779</b>	<b>327.481.552.127</b>
1. Phải thu khách hàng	131		334.958.130.366	332.769.704.316
2. Trả trước cho người bán	132		13.728.597.427	5.998.244.542
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	8.227.972.277	5.759.137.714
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(19.379.055.291)	(17.045.534.445)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>155.334.774.949</b>	<b>146.077.924.375</b>
1. Hàng tồn kho	141		155.334.774.949	146.077.924.375
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.149.548.303</b>	<b>13.666.766.211</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.905.419.434	1.088.849.125
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.951.521.894	10.787.857.921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		396.822.528	340.058.889
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.895.784.447	1.450.000.276
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>592.427.286.141</b>	<b>568.123.265.737</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>304.780.932.275</b>	<b>295.236.027.352</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	242.698.839.284	228.481.834.196
- Nguyên giá	222		446.105.645.585	419.495.136.993
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203.406.806.301)	(191.013.302.797)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	12.434.384.165	18.957.667.052
- Nguyên giá	228		15.016.137.053	21.973.542.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.581.752.888)	(3.015.875.471)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>11</b>	49.647.708.826	47.796.526.104
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>21.963.552.266</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		23.236.755.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.273.202.735)	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.551.355.454</b>	<b>30.666.034.419</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>14</b>	4.502.840.318	27.732.937.601
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>15</b>	6.415.725.136	6.663.096.818
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>15</b>	(3.367.210.000)	(3.730.000.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>258.131.446.146</b>	<b>242.221.203.966</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>16</b>	256.939.156.146	241.197.303.966
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		932.500.000	932.500.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		259.790.000	91.400.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.151.588.336.251</b>	<b>1.221.357.536.094</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>592.944.013.512</b>	<b>655.616.266.496</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>445.428.925.535</b>	<b>518.010.198.519</b>
1. Vay ngắn hạn	311 17	134.936.055.254	200.687.591.542
2. Phải trả người bán	312	186.977.737.157	219.909.003.922
3. Người mua trả tiền trước	313	5.982.138.111	3.534.870.711
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 18	7.817.109.877	15.848.956.134
5. Phải trả người lao động	315	23.425.343.383	23.195.533.959
6. Chi phí phải trả	316	31.838.195.014	4.488.050.314
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 19	47.433.912.121	47.592.664.378
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	568.751.650	571.522.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	6.449.682.968	2.182.005.559
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>147.515.087.977</b>	<b>137.606.067.977</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333 20	146.354.639.401	136.373.638.380
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.160.448.576	1.232.429.597
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>546.480.347.650</b>	<b>553.450.198.522</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 21</b>	<b>546.480.347.650</b>	<b>553.450.198.522</b>
1. Vốn điều lệ	411	344.466.990.000	264.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	76.180.770.000	130.179.226.574
3. Cổ phiếu quỹ	414	(49.700.000)	(49.700.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	205.576.409
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	105.650.833.010	99.502.636.970
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	12.794.942.499	10.912.420.340
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	7.436.512.141	47.701.808.229
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>12.163.975.089</b>	<b>12.291.071.076</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)</b>	<b>440</b>	<b>1.151.588.336.251</b>	<b>1.221.357.536.094</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/6/2011	31/12/2010
Hàng hóa nhận ký gửi	11.959.608.000	-

Trần Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Quang  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.387.597.201.314</b>	<b>1.182.527.200.891</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.227.125.503	1.168.455.650
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>1.385.370.075.811</b>	<b>1.181.358.745.241</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	1.172.791.152.174	1.024.508.518.257
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>212.578.923.637</b>	<b>156.850.226.984</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.503.077.570	5.744.265.508
7. Chi phí tài chính	22	25	50.569.845.682	10.373.232.626
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>6.137.797.276</i>	<i>5.647.706.555</i>
8. Chi phí bán hàng	24		125.974.974.663	105.241.215.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.045.922.491	17.662.992.437
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>7.491.258.371</b>	<b>29.317.051.467</b>
11. Thu nhập khác	31	26	7.083.244.642	2.861.464.171
12. Chi phí khác	32	27	2.023.644.103	1.986.154.302
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>5.059.600.539</b>	<b>875.309.869</b>
<b>14. (Lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>50</b>		<b>(319.949.006)</b>	<b>611.301.691</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)</b>	<b>60</b>		<b>12.230.909.904</b>	<b>30.803.663.027</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	28	7.155.281.964	3.988.075.811
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61)</b>	<b>70</b>		<b>5.075.627.940</b>	<b>26.815.587.216</b>
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>			<i>609.917.934</i>	<i>1.522.436.159</i>
<i>Lợi ích của Cổ đông của Công ty</i>			<i>4.465.710.006</i>	<i>25.293.151.057</i>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>	<b>29</b>	<b>153</b>	<b>868</b>

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.230.909.904</b>	<b>30.803.663.027</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13.796.806.409	11.961.926.219
Các khoản dự phòng	03	11.707.019.973	(1.102.075.055)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	113.517.720	972.455.292
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.176.699.944)	(4.587.559.246)
Chi phí lãi vay	06	6.137.797.276	5.647.706.555
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>40.809.351.338</b>	<b>43.696.116.792</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(17.572.678.501)	(13.231.298.555)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(9.256.850.574)	(25.210.770.043)
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(36.550.770.370)	(6.242.040.971)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(16.558.422.489)	(32.173.077.119)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.090.216.504)	(5.647.706.555)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.443.339.719)	(1.674.223.236)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9.983.771.371	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.146.049.063)	(4.937.721.033)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(42.825.204.511)</b>	<b>(45.420.720.720)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.437.105.741)	(13.316.466.328)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	193.288.628	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.106.146.034	4.587.559.246
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(17.137.671.079)</b>	<b>(13.728.907.082)</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011  
(Theo phương pháp gián tiếp)

**MÃ SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
		đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	520.026.028.733	457.404.582.246
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(585.891.082.741)	(402.742.213.827)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.294.851.567)	(6.435.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(72.159.905.575)</b>	<b>54.655.933.419</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(132.122.781.165)</b>	<b>(4.493.694.383)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>166.008.027.644</b>	<b>44.721.046.166</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>33.885.246.479</b>	<b>40.227.351.783</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 24.061.446.485 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

\_\_\_\_\_  
**Trần Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Hữu Quang**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,36% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 935 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 924 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyên ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính.

Tại ngày cuối kỳ, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng được cấp. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất) và 10 năm đối với máy móc thiết bị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

**Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Đối với phần hao mòn vỏ bình gas và phân bổ doanh thu ký cược lũy kế đã được ghi nhận theo hướng dẫn tại các Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty không thực hiện điều chỉnh lại.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Công ty áp dụng tỷ giá 20.620 đồng/USD - là tỷ giá bán ra bằng chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) để chuyển đổi các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán ra Đồng Việt Nam.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	10.502.182.733	14.346.506.536
Tiền gửi ngân hàng	22.358.726.746	101.476.521.108
Tiền đang chuyển	1.024.337.000	185.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	-	50.000.000.000
	<b>33.885.246.479</b>	<b>166.008.027.644</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	23.066.876.098	-
	<b>23.066.876.098</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(9.811.040.498)	-
	<b>13.255.835.600</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex. Công ty đã gửi thông báo tới Ủy ban chứng khoán nhà nước để công bố thực hiện việc chào bán toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 23 tháng 9 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đóng bình	1.263.873.496	18.616.000
Phải thu về cổ phần hóa	21.000.000	21.000.000
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	518.853.221
Tài sản thiếu chờ xử lý	503.338.408	1.203.539.504
Phải thu khác	6.439.760.373	3.997.128.989
	<b>8.227.972.277</b>	<b>5.759.137.714</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.296.750.000
Nguyên liệu, vật liệu	31.008.450.661	28.943.957.241
Công cụ, dụng cụ	3.858.555.976	2.589.878.203
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.379.044.887	523.451.192
Thành phẩm	1.125.072.129	5.316.091.119
Hàng hóa	117.883.667.296	107.357.284.620
Hàng gửi đi bán	79.984.000	50.512.000
<b>Cộng</b>	<b>155.334.774.949</b>	<b>146.077.924.375</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>155.334.774.949</b>	<b>146.077.924.375</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>283.328.492.324</b>	<b>71.668.389.235</b>	<b>58.994.998.371</b>	<b>3.396.154.099</b>	<b>2.107.102.964</b>	<b>419.495.136.993</b>
Mua sắm mới	16.679.000	6.646.302.225	39.343.636	230.586.607	-	6.932.911.468
Xây dựng cơ bản hoàn thành	14.368.374.666	5.489.102.915	182.126.970	-	12.685.743	20.052.290.294
Thanh lý	(634.291.341)	(15.874.998)	-	(26.483.990)	-	(676.650.329)
Phân loại lại	2.496.274.977	(1.869.091.585)	(283.044.415)	(42.181.818)	-	301.957.159
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>299.575.529.626</b>	<b>81.918.827.792</b>	<b>58.933.424.562</b>	<b>3.558.074.898</b>	<b>2.119.788.707</b>	<b>446.105.645.585</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>111.176.353.612</b>	<b>45.811.302.651</b>	<b>30.275.385.959</b>	<b>2.237.576.028</b>	<b>1.512.684.547</b>	<b>191.013.302.797</b>
Khấu hao trong kỳ	6.859.257.488	3.374.411.384	2.428.017.218	222.727.168	73.313.000	12.957.726.258
Thanh lý	(451.470.000)	(7.761.844)	-	(24.129.857)	-	(483.361.701)
Phân loại lại	(48.604.696)	172.388.864	(204.645.221)	-	-	(80.861.053)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>117.535.536.404</b>	<b>49.350.341.055</b>	<b>32.498.757.956</b>	<b>2.436.173.339</b>	<b>1.585.997.547</b>	<b>203.406.806.301</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>182.039.993.222</b>	<b>32.568.486.737</b>	<b>26.434.666.606</b>	<b>1.121.901.559</b>	<b>533.791.160</b>	<b>242.698.839.284</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>172.152.138.712</b>	<b>25.857.086.584</b>	<b>28.719.612.412</b>	<b>1.158.578.071</b>	<b>594.418.417</b>	<b>228.481.834.196</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 26.161.678.771 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 24.515.861.012 VND).

Giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành trong kỳ là một phần của tòa nhà 322 Điện Biên Phủ. Phần còn lại của tòa nhà đã được cho thuê hoặc giữ với ý định cho thuê nên được ghi nhận ở khoản mục bất động sản đầu tư. Chi tiết tại Thuyết minh 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>18.863.457.625</b>	<b>3.110.084.898</b>	<b>21.973.542.523</b>
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(6.957.405.470)	-	(6.957.405.470)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>11.906.052.155</b>	<b>3.110.084.898</b>	<b>15.016.137.053</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>1.760.035.233</b>	<b>1.255.840.238</b>	<b>3.015.875.471</b>
Trích khấu hao trong kỳ	127.083.432	379.687.998	506.771.430
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(940.894.013)	-	(940.894.013)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>946.224.652</b>	<b>1.635.528.236</b>	<b>2.581.752.888</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>10.959.827.503</b>	<b>1.474.556.662</b>	<b>12.434.384.165</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>17.103.422.392</b>	<b>1.854.244.660</b>	<b>18.957.667.052</b>

(\*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã hoàn thành cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ và đang cho thuê hoặc giữ với ý định cho thuê một phần của tòa nhà này. Giá trị quyền sử dụng đất tương ứng được phân loại lại sang Bất động sản đầu tư. (Xem Thuyết minh số 12)

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	-	23.675.700.896
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	35.207.541.463	19.808.000.000
Cải tạo trạm cấp gas Ninh Phúc- Ninh Bình	-	1.775.985.141
Công trình kho gas Trà Nóc mở rộng	9.237.387.877	1.924.776.000
Công trình khác	5.202.779.486	612.064.067
	<b>49.647.708.826</b>	<b>47.796.526.104</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Xây lắp VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	11.621.000.927	4.658.348.603	16.279.349.530
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	6.957.405.470	-	-	6.957.405.470
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>6.957.405.470</b>	<b>11.621.000.927</b>	<b>4.658.348.603</b>	<b>23.236.755.000</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	-	-	-	-
Trích khấu hao trong kỳ	-	237.218.320	95.090.401	332.308.721
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	940.894.014	-	-	940.894.014
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>940.894.014</b>	<b>237.218.320</b>	<b>95.090.401</b>	<b>1.273.202.735</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>6.016.511.457</b>	<b>11.383.782.607</b>	<b>4.563.258.202</b>	<b>21.963.552.266</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	-	-	-	-

(\*) Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, máy móc thiết bị đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Hải Phòng	Hải Phòng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Cần Thơ	Cần Thơ	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG (*)	Hồ Chí Minh	51	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, do Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về việc thoái vốn này nên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.000.000.000	25.377.064.426
(Lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(497.159.682)	1.223.438.760
Thặng dư cổ phần của công ty liên kết	-	1.132.434.415
	<b><u>4.502.840.318</u></b>	<b><u>27.732.937.601</u></b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	Hà Nội	50%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	9.188.018.637	119.569.024.300
Tổng công nợ	(182.338.001)	(10.546.597.699)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(20.143.153)
Tài sản thuần	9.005.680.636	109.002.283.448
<b>Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b><u>4.502.840.318</u></b>	<b><u>27.732.937.601</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, do Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về việc thoái vốn này nên khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG vẫn được trình bày như một khoản đầu tư vào công ty liên kết. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG vẫn được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	685.725.136	933.096.818
	<b><u>6.415.725.136</u></b>	<b><u>6.663.096.818</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.367.210.000)	(3.730.000.000)
<b>Giá trị thuần khoản đầu tư</b>	<b><u>3.048.515.136</u></b>	<b><u>2.933.096.818</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Tiền thuê đất</u> VND	<u>Vỏ bình gas</u> VND	<u>Khác</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>22.200.349.045</b>	<b>214.915.425.077</b>	<b>4.081.529.844</b>	<b>241.197.303.966</b>
Tăng trong kỳ	-	28.201.497.189	2.241.482.743	30.442.979.932
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(306.234.966)	(12.070.386.319)	(2.324.506.467)	(14.701.127.752)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>21.894.114.079</b>	<b>231.046.535.947</b>	<b>3.998.506.120</b>	<b>256.939.156.146</b>

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

**17. VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	51.796.849.856	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	69.821.557.319	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (iii)	-	184.809.106.560
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	3.631.011.679	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	8.098.302.240	8.604.138.496
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hồ Chí Minh (v)	1.588.334.160	7.274.346.486
	<b>134.936.055.254</b>	<b>200.687.591.542</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng mức số 00122/2010/0003462 ngày 8 tháng 11 năm 2010 với mức dư nợ và mở thư tín dụng tối đa là 200 tỷ đồng gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân. Lãi suất hiện đang áp dụng với số dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 6%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD-NH/PGC ngày 06 tháng 6 năm 2011. Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh, mở thư tín dụng tối đa là 95 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Mức lãi suất cho vay đang được áp dụng là 20,5%/năm với đồng Việt Nam và 6%/năm với đồng đô la Mỹ.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 100235/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 23 tháng 8 năm 2010 với hạn mức 450 tỷ đồng, trong đó: hạn mức cho vay là 230 tỷ đồng, hạn mức tài trợ thương mại là 450 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng của mỗi lần rút vốn sẽ đáo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn với trường hợp cho vay và không quá 60 ngày đối với trường hợp chiết khấu chứng từ hàng xuất khẩu, giải ngân bằng VND và USD. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Trong kỳ, Công ty đã trả hết khoản vay này.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 70111.057.747309.TD ngày 13 tháng 5 năm 2011 với hạn mức tín dụng tối đa là 728.091,74 USD. Lãi suất cố định của khoản vay là 6,3%/năm.
- (v) Đây là khoản vay do Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.722.962.983	8.978.829.286
Thuế xuất, nhập khẩu	234.666.853	3.210.583.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.855.354.149	3.143.411.904
Thuế thu nhập cá nhân	4.125.892	516.131.309
	<u><b>7.817.109.877</b></u>	<u><b>15.848.956.134</b></u>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.655.512.467	1.676.273.750
Bảo hiểm xã hội, đoàn phí công đoàn	337.148.392	94.879.270
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.043.458.123	5.261.549.133
Gas hóa lỏng vay	3.912.082.870	4.845.000.000
Cổ tức phải trả	26.420.368.632	27.640.763.155
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	2.800.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	11.265.341.637	8.074.199.070
	<u><b>47.433.912.121</b></u>	<u><b>47.592.664.378</b></u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về cho Công ty quản lý và được Công ty trình bày như một khoản phải trả khác.

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2011</u>	
	<u>đến 30/6/2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ/năm</b>	<b>136.373.638.380</b>	<b>116.772.609.345</b>
Nhận thêm đặt cọc, ký quỹ	16.662.096.726	33.632.875.519
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(6.681.095.705)	(14.031.846.484)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<u><b>146.354.639.401</b></u>	<u><b>136.373.638.380</b></u>

(\*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>130.189.889.554</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>(85.153.736)</b>	<b>92.918.876.291</b>	<b>8.671.863.179</b>	<b>48.386.404.297</b>	<b>545.030.409.585</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	48.071.042.449	48.071.042.449
Chênh lệch tỷ giá tăng lên	-	-	-	290.932.421	-	-	-	290.932.421
Giảm thặng dư vốn cổ phần	-	(10.662.980)	-	-	-	-	-	(10.662.980)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	6.583.760.679	2.123.079.320	(17.226.151.043)	(8.519.311.044)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(26.496.470.000)	(26.496.470.000)
(Giảm)/tăng khác	-	-	-	(202.276)	-	117.477.841	(5.033.017.474)	(4.915.741.909)
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>130.179.226.574</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>205.576.409</b>	<b>99.502.636.970</b>	<b>10.912.420.340</b>	<b>47.701.808.229</b>	<b>553.450.198.522</b>
Tăng vốn bằng cổ phiếu thường	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.465.710.006	4.465.710.006
Ghi đảo lãi lũy kế từ khoản đầu tư vào Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	-	(1.014.956.574)	-	-	-	(117.477.841)	1.132.434.415	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	6.136.982.300	2.000.000.000	(15.136.982.300)	(7.000.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(205.576.409)	11.213.740	-	(256.550.209)	(450.912.878)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>344.466.990.000</b>	<b>76.180.770.000</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>-</b>	<b>105.650.833.010</b>	<b>12.794.942.499</b>	<b>7.436.512.141</b>	<b>546.480.347.650</b>

**b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:**

	Tỷ lệ %	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	52,36%	180.373.765.800	138.761.420.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,64%	164.093.224.200	126.236.810.000
	<b>100,00%</b>	<b>344.466.990.000</b>	<b>264.998.230.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****c. Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010, Đại hội đã nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ, trong đó 26.496.470.000 đồng là cổ tức đợt 2 của năm 2009 (ghi nhận trên khoản mục phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) và 52.999.650.000 đồng từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần. Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ giao dịch này được hạch toán hoàn nhập Thặng dư vốn cổ phần theo Quyết định số 057/PGC-QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty. Vốn điều lệ thực tế tăng lên là 79.468.760.000 đồng. Ngày 04 tháng 5 năm 2011, số cổ phiếu đăng ký bổ sung nói trên được chấp thuận niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 38/2006/GCNCP-VSD-3 đăng ký thay đổi lần 3 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 29 tháng 4 năm 2011, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 là 10% theo vốn góp. Cổ tức dự định được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả hiện đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả khác.

**e. Số cổ phiếu đang lưu hành**

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 34.446.699 cổ phần (năm 2010: 26.499.823 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	1.369.313.765.683	1.166.272.142.499
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.375.214.423	8.203.434.605
Doanh thu ký cược vỏ bình gas	6.681.095.705	6.883.168.137
	<b>1.385.370.075.811</b>	<b>1.181.358.745.241</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.165.464.841.790	1.018.406.193.277
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.326.310.384	6.102.324.980
	<b>1.172.791.152.174</b>	<b>1.024.508.518.257</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.184.883.312	689.124.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.838.890.679	3.898.434.255
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.915.784.757	301.473.073
Lãi bán hàng trả chậm	309.942.199	394.038.899
Doanh thu hoạt động tài chính khác	253.576.623	461.194.290
	<b>5.503.077.570</b>	<b>5.744.265.508</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	6.137.797.276	5.647.706.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.270.591.941	5.869.552.691
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư chứng khoán	9.448.250.498	(1.419.625.900)
Chi phí hoạt động tài chính khác	5.713.205.967	275.599.280
	<b>50.569.845.682</b>	<b>10.373.232.626</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	193.288.628	-
Thu lãi phạt chậm thanh toán	-	376.164.164
Thu nhập khác	6.889.956.014	2.485.300.007
	<b>7.083.244.642</b>	<b>2.861.464.171</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	193.288.628	-
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	-	48.296.799
Chi phí khác	1.830.355.475	1.937.857.503
	<b>2.023.644.103</b>	<b>1.986.154.302</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.230.909.904</b>	<b>30.803.663.027</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	7.155.281.964	3.988.075.811
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>5.075.627.940</b>	<b>26.815.587.216</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng cộng thuế phải nộp của các công ty con và số thuế phải nộp tại Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Do trong kỳ, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ và niêm yết bổ sung cổ phiếu nên số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.465.710.006	25.293.151.057
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	29.148.782	26.494.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	153	955
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản (trình bày lại)	29.148.782	29.148.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (trình bày lại)	153	868

**30. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

(Xem chi tiết phụ lục “Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan”) từ trang 27 đến trang 34.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

---

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
		Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Đầu tư Ngắn hạn (TK 121)</b>	<b>267.942.929.267</b>	<b>185.868.088.826</b>	<b>9.241.801</b>	<b>2.138.038</b>	<b>184.864.773.252</b>			
	1. Công ty CP Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn	92.418.010.000	21.380.380.000	9.241.801	2.138.038	20.377.064.426	23,1%	23,1%	23,1%
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào Công ty con (TK221)</b>	<b>133.024.919.267</b>	<b>121.987.708.826</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>121.987.708.826</b>			
	1. Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	22.000.000.000	22.000.000.000			22.000.000.000	100,0%	100,0%	100,0%
	2. Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	20.500.000.000	20.500.000.000			20.500.000.000	100,0%	100,0%	100,0%
	3. Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	57.000.000.000	57.000.000.000			57.000.000.000	100,0%	100,0%	100,0%
	4. Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	11.000.000.000	11.000.000.000			11.000.000.000	100,0%	100,0%	100,0%
	5. Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	22.524.919.267	11.487.708.826			11.487.708.826	51,0%	51,0%	51,0%
<b>III</b>	<b>Đầu tư Công ty liên kết (TK223)</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>			
	1. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	10.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000	50,0%	50,0%	50,0%
<b>IV</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác (TK228)</b>	<b>357.807.900.000</b>	<b>2.924.625.137</b>	<b>35.780.790</b>	<b>223.890</b>	<b>6.415.725.137</b>			
	1. Tổng công ty cổ phần Dệt may Hà Nội	205.000.000.000	1.000.000.000	20.500.000	100.000	2.610.000.000	0,5%	0,5%	0,5%
	2. Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV	152.807.900.000	1.238.900.000	15.280.790	123.890	3.120.000.000	0,8%	0,8%	0,8%
	3. Đầu tư dài hạn khác		685.725.137			685.725.137			

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011

**Phần I/ Doanh thu hàng hóa**

Đơn vị tính: VND

STT	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu mỡ nhờn, gas, bếp, phụ kiện)		
			Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
A	B	C	1	3	4 = 1-3
1		Công ty Xăng dầu Khu vực I	948.628.183	928.544.129	20.084.054
2		Cty xăng dầu Hà Bắc	2.380.507.265	2.330.107.923	50.399.342
3		CNhánh Xăng dầu Lạng Sơn	14.612.340.904	14.302.973.075	309.367.829
4		Công ty Xăng dầu Bắc Thái	6.486.749.791	6.349.414.390	137.335.401
5		Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	3.777.276.580	3.697.305.283	79.971.297
6		Chi nhánh xăng Dầu Hòa Bình	1.085.328.913	1.062.350.675	22.978.238
7		Cty CP VT&DV Petrolimex Nghệ Tĩnh	25.896.750	25.348.472	548.278
8		Cty Xăng dầu Cao Bằng	2.667.833.367	2.611.350.848	56.482.519
9		Công ty xăng dầu Phú Thọ	9.948.810.902	9.738.177.845	210.633.057
10		Chi nhánh xăng dầu Vĩnh Phúc	1.918.546.532	1.877.927.676	40.618.856
11		Chi nhánh xăng dầu Sơn La	6.951.457.714	6.804.283.664	147.174.050
12		Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	3.073.769.745	3.008.692.871	65.076.874
13		Công ty xăng dầu Điện Biên	5.540.101.467	5.422.808.203	117.293.264
14		Công ty xăng dầu Tuyên Quang	5.071.495.693	4.964.123.601	107.372.092
15		Công ty xăng dầu Hà Giang	9.195.448.965	9.000.765.847	194.683.118
16		Công ty Xăng dầu khu vực 3	3.999.811.850	2.793.498.023	1.206.313.827
17		Công ty Xăng dầu B12	5.395.246.898	3.768.080.127	1.627.166.771
18		Công ty Xăng dầu Thái Bình	8.494.462.230	5.932.594.917	2.561.867.313
19		Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.708.291.530	1.193.083.373	515.208.157
20		Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	401.991.000	280.753.472	121.237.528
21		Công ty Xăng dầu Hà Nam	128.100.710	89.466.478	38.634.232
22		Công ty Xăng dầu Ninh Bình	4.212.404.941	2.941.974.602	1.270.430.339
23		Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	7.441.621.110	5.197.282.932	2.244.338.178
24		Công ty Xăng dầu Nghệ An	11.545.972.434	8.063.792.093	3.482.180.341
25		Công ty CPVT TPS Nghệ Tĩnh	1.671.386.060	1.167.308.321	504.077.739

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)**

Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011

STT	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu mỡ nhờn, gas, bếp, phụ kiện)		
			Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
A	B	C	1	3	4 = 1-3
26		Công ty xăng dầu khu vực 5	2.307.118.800	1.952.145.371	354.973.429
27		Công ty xăng dầu Quảng Nam	12.341.053.155	10.742.609.620	1.598.443.535
28		Công ty xăng dầu Quảng Ngãi	6.362.698.065	5.580.221.408	782.476.657
29		Công ty xăng dầu Bình Định	874.596.800	785.737.831	88.858.969
30		Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	3.702.053.170	3.277.943.321	424.109.849
31		Công ty xăng dầu Kon tum	2.663.230.240	2.350.455.555	312.774.685
32		Công ty xăng dầu Thừa Thiên Huế	20.118.771.520	16.932.112.646	3.186.658.874
33		Công ty xăng dầu Quảng Bình	10.486.549.410	8.943.853.012	1.542.696.398
34		Công ty xăng dầu Quảng Trị	8.530.187.450	7.225.475.726	1.304.711.724
35		Công ty xăng dầu Phú Khánh	6.269.077.400	5.623.156.272	645.921.128
36		Công ty xăng dầu Tây Nguyên	1.723.737.250	1.533.350.334	190.386.916
37		Công ty Xăng dầu Đồng Nai	1.111.872.650	978.101.946	133.770.704
38		Công ty Xăng dầu Bến Tre	2.392.010.020	2.087.164.611	304.845.409
39		Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	10.772.889.200	9.184.082.464	1.588.806.736
40		Công ty Xăng dầu Long An	2.205.924.860	1.975.258.402	230.666.458
41		Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	291.327.390	250.040.195	41.287.195
42		Công ty Xăng dầu Tây Ninh	718.140.740	631.595.701	86.545.039
43		Công ty Xăng dầu Tiền Giang	6.138.209.410	5.454.734.778	683.474.632
44		Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu	1.324.826.010	1.132.725.350	192.100.660
45		Công ty xăng dầu Đồng Tháp	675.711.508	593.198.685	82.512.823
46		Công ty xăng dầu Cà Mau	613.818.268	510.197.646	103.620.622
47		Công ty xăng dầu Trà Vinh	233.071.874	194.788.007	38.283.867
48		Công ty xăng dầu Vĩnh Long	467.231.432	388.720.115	78.511.317
		<b>Cộng</b>	<b>221.007.588.156</b>	<b>191.879.677.836</b>	<b>29.127.910.320</b>

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Kỹ quỹ ký cược
A	B	C	1	5
		<b>PHẦN I: NGÂN HẠN</b>	<b>28.055.333.996</b>	<b>21.530.544.839</b>
1		Công ty Xăng dầu Khu vực I	274.599.120	155.130.000
2		Cty xăng dầu Hà Bắc	1.359.361.308	427.450.000
3		CNánh XD Lạng sơn	1.844.114.529	2.936.810.000
4		Công ty XD Bắc Thái	356.144.854	1.748.250.000
5		Chi nhánh XD Bắc Kạn	-	840.070.000
6		Chi nhánh xăng Dầu Hòa bình	412.655.501	19.320.000
7		CN Cty CP TM & vận tải Petrolimex HN tại BN	-	73.900.000
8		Cty CP vận tải và Dvụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	-	-
9		Công ty thiết bị XD PETROLIMEX	-	13.610.000
10		Cty Xăng dầu Cao Bằng	52.131.843	724.380.000
11		Chi nhánh Cty CP Xây lắp 3 PETROLIMEX tại Hà Nội	117.392.000	2.587.190.001
12		Công ty xăng dầu Phú Thọ	3.562.634.358	-
13		Chi nhánh xăng dầu Vĩnh Phúc	219.638.848	2.199.290.000
14		Chi nhánh xăng dầu Sơn La	-	844.770.000
15		Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	101.283.719	1.322.870.000
16		Công ty xăng dầu Điện Biên	585.520.067	1.391.519.786
17		Công ty xăng dầu Tuyên Quang	-	2.229.526.752
18		Công ty xăng dầu Hà Giang	-	-
19		Công ty Xăng dầu khu vực 3	265.179.387	-
20		Công ty Xăng dầu B12	924.232.090	-
21		Công ty Xăng dầu Thái Bình	955.878.924	-
22		Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.383.121.346	-
23		Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	268.826.984	-
24		Công ty Xăng dầu nghệ An	2.300.474.278	-
25		Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	1.056.441.500	-



**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
**Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Kỹ quỹ ký cược
A	B	C	1	5
26		Công ty xăng dầu khu vực 5	694.649.667	-
27		Công ty xăng dầu Quảng Nam	668.419.579	-
28		Công ty xăng dầu Quảng Ngãi	311.589.827	-
29		Công ty xăng dầu Bình Định	166.593.317	-
30		Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	588.228.875	-
31		Công ty xăng dầu Kon Tum	329.750.000	-
32		Công ty xăng dầu Thừa Thiên Huế	1.518.625.684	-
33		Công ty xăng dầu Quảng Bình	881.058.445	-
34		Công ty xăng dầu Quảng Trị	571.173.800	-
35		Công ty xăng dầu Phú Khánh	1.308.929.405	-
36		Công ty XD Đồng Nai	136.225.544	253.580.000
37		Cty Xăng dầu Lâm Đồng	1.043.254.139	1.924.015.340
38		Công ty XD Tây Ninh	(28.133.391)	242.630.000
39		Công ty XD Long An	628.552.529	119.520.000
40		Công ty XD Nam Tây Nguyên	90.460.129	277.280.000
41		Xí nghiệp bán lẻ XD	205.952.910	230.860.000
42		CNV CTXDKV2 mượn vỏ bình	-	(1.200.000)
43		Cty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex SG	-	7.400.000
44		Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	-	4.440.000
45		Công ty CP cơ khí xăng dầu	354.985.869	53.382.960
46		Công ty xăng dầu Tiền Giang	1.084.201.660	393.030.000
47		Công ty Xăng dầu Bến tre	428.201.928	511.520.000
48		Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	3.540.000	-
49		Công ty xăng dầu Đồng Tháp	371.971.165	-
50		Công ty xăng dầu Cà Mau	209.752.599	-
51		Công ty xăng dầu Trà Vinh	91.869.660	-
52		Công ty xăng dầu Vĩnh Long	355.850.000	-

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

**Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

<b>STT</b>	<b>Mã đơn vị</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Nhận ký quỹ ký cược</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>5</b>
1		Công ty Xăng dầu khu vực 3	1.221.467.130
2		Công ty Xăng dầu B12	2.989.440.000
3		Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.529.340.000
4		Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	6.205.510.000
5		Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	2.976.660.000
6		Công ty Xăng dầu Quảng Ninh	269.800.000
7		Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh	4.683.936.159
8		Công ty xăng dầu khu vực 5	5.039.850.000
9		Công ty xăng dầu Quảng Nam	5.456.300.000
10		Công ty xăng dầu Quảng Ngãi	3.232.600.000
11		Công ty xăng dầu Bình Định	2.141.580.000
12		Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	1.613.820.000
13		Công ty xăng dầu Kon Tum	1.388.670.000
14		Công ty xăng dầu Thừa Thiên Huế	7.453.850.000
15		Công ty xăng dầu Quảng Bình	4.677.620.000
16		Công ty xăng dầu Quảng Trị	4.517.190.000
17		Công ty xăng dầu Phú Khánh	1.923.280.000
18		Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	1.801.560.000
19		Công ty xăng dầu Tây Bạc Liêu	7.660.000
20		Công ty xăng dầu Đồng Tháp	1.624.970.000
21		Công ty xăng dầu Cà Mau	2.177.750.000
22		Công ty xăng dầu Trà Vinh	369.830.000
23		Công ty xăng dầu Vĩnh Long	949.530.000
24		Công ty xăng dầu An Giang	2.308.900.000
25		Công ty Xăng dầu Khu vực I	155.130.000

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

**Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

<b>STT</b>	<b>Mã đơn vị</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Nhận ký quỹ ký cược</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>5</b>
28		Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	251.640.000
29		Xí nghiệp Dịch vụ Xăng dầu và Cơ khí	484.580.000
30		Cty xăng dầu Hà Bắc	1.694.650.000
31		CNhánh XD Bắc Ninh	-
32		CNhánh XD Lạng Sơn	5.218.790.000
33		Cty xăng dầu Bắc Thái	4.202.790.000
34		Chi nhánh XD Bắc Cạn	1.034.650.000
35		CNhánh XD Vĩnh Phúc	100.100.000
36		CTY XD Hà Sơn Bình	-
37		Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình	113.810.000
38		Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	-
39		Cty CP vận tải và dịch vụ petrolimex Hà Tây	540.000
40		Cty CP TM và vận tải Petrolimex Hà Nội	38.860.000
41		CN Cty CP TM & vận tải Petrolimex HN tại BN	72.300.000
42		Công ty thiết bị XD PETROLIMEX	59.750.000
43		XNCK & Điện tử xăng dầu (CTy Thiết bị XD)	2.640.000
44		Cty xăng dầu Tây Bắc	21.220.000
45		Cty xăng dầu Yên Bái	190.900.000
46		Cty Xăng dầu Cao Bằng	1.904.860.000
47		Cty Xăng dầu Lào Cai	42.200.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>82.150.523.289</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Sáu tháng đầu năm 2011

Đơn vị: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Gốc vay				Phân loại thời hạn trả nợ
		1/1/2011	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	30/6/2011	Trong vòng 1 năm
1	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	8.604.138.496	8.098.302.240	8.604.138.496	8.098.302.240	8.098.302.240